

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST

Ngày: 07/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Đình Thông

Thẩm phán: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, Ông Bùi Văn Hồng, Bà Phan Thị Minh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Ông: Phan Thanh Nam - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số: 07/2019/TBMLPT-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Cao Thị T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 15/7/1958; trú tại: Thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Cao Văn H(đã chết); con bà: Nguyễn Thị T1; chồng: Không có; con: Có 03 đứa; tiền án: Có 04 tiền án: Ngày 25/12/1987, bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành phần dân sự và án phí; ngày 27/7/1993, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành phần dân sự và án phí; ngày 10/4/1996, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Bình Trị Thiên xử phạt 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”; ngày 07/9/2001, bị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã chấp hành xong hình phạt tù (ra trại ngày 10/5/2004), chưa thi hành phần dân sự và án phí. Tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2018 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Mai Xuân Đ, Công ty Luật Pháp Viện, Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh.

- Những người bị hại:

1. Chị Lê Anh Đ; Sinh năm: 1971; Trú tại: Khu phố H, phường S, thị xã K, H. (Vắng mặt)
2. Ông Âu Dương L; Sinh năm: 1947; Trú tại: Khu phố 1, phường S, thị xã K, H.(Vắng mặt)
3. Anh Phan Quốc D; Sinh năm: 1981; Trú tại: Xóm Xuân T, xã K, huyện K, H.(Vắng mặt)
4. Anh Trần Ngọc H; Sinh năm: 1967; Trú tại: số 276/88 đường Thống N, phường 16, quận G, thành phố H.(Vắng mặt)
5. Bà Trần Thị X; Sinh năm 1949; Trú tại: số nhà 24, ngõ 10, đường Nguyễn Huy T, phường B, thành phố H, H.(Vắng mặt)
6. Chị Dương Thị A; Sinh năm 1971; Trú tại: thôn Y, xã T, huyện T, H.(Có mặt)
7. Bà Đặng Thị S; Sinh năm 1952; Trú tại: thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, H.(Có mặt)
8. Bà Hoàng Thị C; Sinh năm 1961; Trú tại: tổ dân phố H, phường K, thị xã K, H.(Vắng mặt)
9. Bà Nguyễn Thị H1; Sinh năm 1954; Trú tại: thôn 4, xã C, huyện C, H - Tạm trú tại số nhà 83, đường Phan Đình P, thành phố H. (Vắng mặt)
10. Chị Bùi Thị A1; Sinh năm 1971; Trú tại: tiểu khu 5, tổ dân phố 1, phường S, thị xã K, H.(Vắng mặt)
11. Chị Bùi Thị T1; Sinh năm 1975; Trú tại: thôn H, xã K, huyện K, H.(Vắng mặt)
12. Chị Phạm Thị B; Sinh năm 1983; Trú tại: tổ dân phố 2, phường S, thị xã K, H.(Vắng mặt)
13. Bà Phạm Thị M; Sinh năm 1962; Trú tại: tiểu khu 6, tổ dân phố H, phường S, thị xã K, H.(Vắng mặt)
14. Bà Phạm Thị T2; Sinh năm 1950; Trú tại: khối phố H, phường S, thị xã K, H.(Vắng mặt)
15. Bà Nguyễn Thị X; Sinh năm 1950; Trú tại: xóm T, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)
16. Bà Lê Thị M; Sinh năm 1949; Trú tại: số nhà 23, ngõ 1, đường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.(Có mặt)

17. Bà Nguyễn Thị T3; Sinh năm 1954; Trú tại: xóm B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

18. Bà Nguyễn Thị T4; Sinh năm 1961; Trú tại: xóm B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

19. Anh Trương Quang T5; Sinh năm 1975; Trú tại: xóm T, xã K, huyện K, H.(Vắng mặt)

20. Bà Nguyễn Thị T5; Sinh năm 1960; Trú tại: xóm T, xã K, huyện K, H.(Vắng mặt)

21. Bà Nguyễn Thị M1; Sinh năm 1954; Trú tại: khối phố 3, phường S, thị xã K, H.(Vắng mặt)

22. Ông Dương Công Đ1; Sinh năm 1946; Trú tại: Xóm H, Xã T, Thành phố H, H.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1, Nguyễn Thị L1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

2, Nguyễn Văn T6, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn P 1, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

**Những người tham gia tố tụng khác:*

- Người làm chứng:

1, Vũ Thị L2, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

2, Lê Thị H2, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

3, Phan Thị T7, sinh năm 1935; địa chỉ: Thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

4, Dương Thư V, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

5, Nguyễn Thị D1, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

6, Cao Thị T8, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

7, Cao Văn D2, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.(Vắng mặt)

8, Cao Văn T9, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 7, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.*(Vắng mặt)*

9, Nguyễn Văn B1, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 7, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.*(Vắng mặt)*

10, Trần Quốc C1, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm K, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.*(Vắng mặt)*

11, Lê H3, sinh năm 1940; địa chỉ: Số 83 đường Phan Đình P, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.*(Vắng mặt)*

- *Điều tra viên được triệu tập tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn V1, điều tra viên thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh.*(Có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2017, mặc dù không có nghề nghiệp ổn định và nợ nần của nhiều người không có khả năng T toán nhưng muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên Cao Thị T đã đưa ra nhiều thông tin không đúng sự thật như tự nhận mình là người làm ăn buôn bán, ăn mặc sang trọng, có các mối hàng là xe ô tô, xe máy, máy xúc, vàng trắng; có khả năng xin việc làm để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Cụ thể:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Lê Anh Đ (sinh năm: 1971; trú tại khu phố H, phường S, thị xã K, H) số tiền 1.782.000.000 đồng.

Cao Thị T quen biết với chị Lê Anh Đ từ năm 2007, thông qua bà Phạm Thị T2 (sinh năm 1950) trú tại khối phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (mẹ đẻ của chị Đ). Trong khoảng từ ngày 05/11/2008 đến ngày 16/01/2011 Cao Thị T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Lê Anh Đ, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng cuối năm 2008, Cao Thị T gọi điện thoại cho chị Lê Anh Đ nói dối là muốn vay mượn tiền để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán và hứa là khi lấy được hàng đem về bán sẽ trả lại tiền cho chị Đ. Tin tưởng Cao Thị T là bạn bè với mẹ mình và nghĩ T là người kinh doanh thành đạt, giàu có nên chị Đ đồng ý và cho T mượn tiền. Chiều ngày 05/11/2008, Cao Thị T thuê xe ô tô của Sơn (người Hải Phòng, không rõ địa chỉ cụ thể) đến nhà chị Đ vay của chị Đ 75.000.000 đồng, T hẹn đến ngày 10/02/2009 sẽ trả lại đầy đủ cho chị Đ, nhưng sau đó T đã không trả lại cho chị Đ mà chiếm đoạt số tiền trên.

Lần 2: Chiều ngày 04/12/2008, Cao Thị T tiếp tục thuê xe ô tô của anh Sơn đến nhà chị Đ và nói muốn vay chị Đ số tiền 80.000.000 đồng để lấy hàng

từ cảng Hải Phòng đem về bán. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 80.000.000 đồng.

Lần 3: Chiều ngày 12/12/2008, Cao Thị T lại tiếp tục đến nhà đặt vấn đề với chị Đ cần vay tiền để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán, chị Đ tin tưởng nên đã đồng ý giao cho T số tiền 30.000.000 đồng.

Lần 4: Chiều ngày 22/12/2008, Cao Thị T lại bảo anh Sơn lái xe chở T đến nhà chị Đ và nói với chị Đ là cần vay thêm số tiền 15.000.000 đồng để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 15.000.000 đồng.

Lần 5: Sáng ngày 21/02/2009, Cao Thị T tiếp tục đến nhà chị Lê Anh Đ để đặt vấn đề vay tiền. Do Cao Thị T đã nhiều lần vay tiền nhưng không trả nên mặc dù chị Đ vẫn đồng ý cho T vay tiền nhưng đưa ra điều kiện phải trả lãi cho chị Đ với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Sau đó, chị Đ trực tiếp giao cho T số tiền 20.000.000 đồng.

Lần 6: Chiều ngày 23/02/2009, Cao Thị T đến nhà chị Lê Anh Đ đặt vấn đề muốn vay thêm số tiền 30.000.000 đồng để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 30.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 03/3/2009, Cao Thị T đến nhà chị Đ và nói là cần vay của chị Đ số tiền 90.000.000 đồng để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 90.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 16/3/2009, Cao Thị T gọi điện cho chị Đ và nói là đang ở Hải Phòng, cần vay của chị Đ số tiền 20.000.000 đồng để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán. Chị Đ đồng ý và gửi qua đường bưu điện cho T số tiền 20.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 19/3/2009, Cao Thị T lại gọi điện thoại cho chị Đ và nói là đang ở Hải Phòng, cần vay của chị Đ số tiền 20.000.000 đồng để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán. Chị Đ đồng ý và chuyển qua đường bưu điện cho T số tiền 20.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 26/3/2009, Cao Thị T lại gọi điện cho chị Đ và nói là vẫn ở Hải Phòng và đang thiếu tiền hàng, cần vay tiếp của chị Đ. Chị Đ đồng ý nhưng yêu cầu phải trả tiền lãi cho chị Đ tính cứ vay 1.000.000 đồng thì tính tiền lãi mỗi ngày là 5.000 đồng, T đồng ý. Sau đó, chị Đ chuyển qua đường bưu điện cho T số tiền 44.000.000 đồng.

Lần 11: Ngày 29/3/2009, Cao Thị T gọi điện thoại nói với chị Đ là đang ở Hải Phòng cần tiền để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán, bán xong sẽ T toán hết các khoản nợ nần cho chị Đ. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 50.000.000 đồng.

Lần 12: Ngày 03/4/2009, Cao Thị T đến nhà chị Đ nói với chị Đ là vay tiền để lấy hàng từ cảng Cam Ranh đem về bán, bán xong sẽ T toán hết các khoản nợ nần cho chị Đ. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 140.000.000 đồng.

Lần 13: Ngày 05/4/2009, Cao Thị T đến nhà gặp chị Đ đặt vấn đề cần vay tiền để lấy hàng từ cảng Cam Ranh đem về bán, bán xong sẽ T toán hết các khoản nợ nần cho chị Đ. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 40.000.000 đồng.

Lần 14: Ngày 07/4/2009, Cao Thị T nói với chị Đ là vay để lấy hàng từ cảng Cam Ranh đem về bán, bán xong sẽ T toán hết các khoản nợ nần cho chị Đ. Chị Đ đồng ý và giao cho Cao Thị T số tiền 80.000.000 đồng, địa điểm nhận tiền tại nhà chị Đ.

Lần 15: Ngày 20/6/2009, Cao Thị T nói với chị Đ là vay để lấy hàng từ cảng Cam Ranh đem về bán, bán xong sẽ T toán hết các khoản nợ nần cho chị Đ. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 150.000.000 đồng, địa điểm nhận tiền tại nhà chị Đ.

Lần 16: Khoảng đầu tháng 7/2009, Cao Thị T ở Nha Trang và gọi điện cho chị Đ nói là thiếu tiền lấy hàng từ cảng Cam Ranh đem về bán và hỏi mượn của chị Đ. Cao Thị T cũng hứa là bán xong sẽ T toán hết các khoản nợ nần. Chị Đ đồng ý và chuyển cho T hai lần với tổng số tiền là 45.000.000 đồng. Đến ngày 7/7/2009, Cao Thị T về và viết vào sổ của chị Đ nội dung “vay” 45.000.000 đồng nói trên.

Lần 17: Ngày 07/7/2009, Cao Thị T nói với chị Đ là vay để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán, bán xong sẽ T toán hết các khoản nợ nần cho chị Đ. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 15.000.000 đồng, địa điểm nhận tiền tại đoạn đường quốc lộ 1A chỗ đi qua khu vực gần nhà chị Đ.

Lần 18: Ngày 08/7/2009, Cao Thị T nói với chị Đ là vay để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán, bán xong sẽ T toán hết các khoản nợ nần cho chị Đ. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 10.000.000 đồng, địa điểm nhận tiền tại nhà chị Đ.

Lần 19: Ngày 26/3/2009, Cao Thị T nói với chị Đ là vay để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán, bán xong sẽ T toán hết các khoản nợ nần cho chị Đ. Chị Đ đồng ý và giao cho T số tiền 50.000.000 đồng. Về số tiền này, chị Đ gửi qua đường bưu điện cho T vì lúc đó T đang ở thành phố Hải Phòng.

Lần 20: Ngày 17/4/2009, Cao Thị T nói với chị Đ là vay để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán, bán xong sẽ T toán hết các khoản nợ nần cho chị Đ, chị Đ đồng ý. Do lúc đó Cao Thị T đang ở thành phố Hải Phòng nên chị Đ đã chuyển qua tài khoản số tiền 50.000.000 đồng.

Lần 21: Sáng ngày 28/4/2009, T gọi điện thoại cho chị Đ và chị Đ chuyển qua đường bưu điện cho T 30.000.000 đồng.

Lần 22: Chiều ngày 28/4/2009, T gọi điện thoại cho chị Đ và chị Đ chuyển qua đường bưu điện cho T 36.000.000 đồng.

Lần 23: Ngày 30/4/2009, T đến gặp chị Đ tại đoạn đường quốc lộ 1A chỗ đi qua khu vực gần nhà chị Đ nhận trực tiếp từ chị Đ 5.000.000 đồng.

Lần 24: Ngày 7/5/2009, T đến nhà chị Đ nhận trực tiếp từ chị Đ 4.000.000 đồng.

Lần 25: Ngày 8/5/2009, T đến nhà chị Đ nhận trực tiếp từ chị Đ 3.000.000 đồng.

Lần 26: Ngày 16/7/2009, T gọi điện thoại cho chị Đ và chị Đ chuyển qua chồng là anh Trần Ngọc H cho T 25.000.000 đồng.

Lần 27: Ngày 19/7/2009, T gọi điện thoại cho chị Đ và chị Đ chuyển qua tài khoản ngân hàng cho T 20.000.000 đồng.

Lần 28: Ngày 05/8/2009, T đến nhà chị Đ nhận trực tiếp từ chị Đ 145.000.000 đồng.

Lần 29: Ngày 31/5/2010, T đến nhà chị Đ nhận trực tiếp từ chị Đ 40.000.000 đồng.

Lần 30: Ngày 01/6/2010, T đến nhà chị Đ nhận trực tiếp từ chị Đ 90.000.000 đồng.

Lần 31: Ngày 15/6/2010, T đến nhà chị Đ nhận trực tiếp từ chị Đ 230.000.000 đồng.

Lần 32: Ngày 16/01/2011, T đến nhà chị Đ nhận trực tiếp từ chị Đ 100.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo chị Lê Anh Đ 32 lần, chiếm đoạt số tiền 1.782.000 đồng. Hiện Cao Thị T đã trả được cho chị Đ số tiền 496.450.000 đồng, số tiền còn lại là 1.285.550.000 đồng chị Lê Anh Đ yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Âu Dương L (sinh năm: 1947; trú tại: khu phố 1, phường S, thị xã K, H) số tiền 1.323.916.000 đồng.

Cao Thị T quen biết ông Âu Dương L từ năm 2007, thông qua vợ ông L là bà Nguyễn Thị M1. Quá trình quen biết cũng với thủ đoạn đưa ra các thông tin gian dối như trên, trong tháng 02/2015 Cao Thị T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Âu Dương L. Cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng đầu tháng 2 năm 2015, Cao Thị T đến nhà ông L và nhận trực tiếp từ ông L 300.000.000 đồng và 2.000 USD, tương đương với 42.916.000 đồng tiền Việt Nam đồng.

Lần 2: Sau lần vay thứ nhất 03 ngày, Cao Thị T đến nhà ông L và nhận trực tiếp từ ông L 160.000.000 đồng.

Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày 10/2/2015 đến ngày 20/2/2015, Cao Thị T tiếp tục thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của ông Âu Dương L thêm 08 lần nữa, cụ thể:

Lần 3: Cao Thị T đến nhà ông L và trực tiếp nhận từ ông L 200.000.000 đồng.

Lần 4: Cao Thị T đến nhà ông L và trực tiếp nhận từ ông L 160.000.000 đồng.

Lần 5: Cao Thị T đến nhà ông L và trực tiếp nhận từ ông L 130.000.000 đồng.

Lần 6: Cao Thị T đến nhà ông L và trực tiếp nhận từ ông L 40.000.000 đồng.

Lần 7: Cao Thị T đến nhà ông L và trực tiếp nhận từ ông L 76.000.000 đồng.

Lần 8: Cao Thị T đến nhà ông L và trực tiếp nhận từ ông L 100.000.000 đồng.

Lần 9 : Cao Thị T đến nhà ông L và trực tiếp nhận từ ông L 55.000.000 đồng.

Lần 10: Cao Thị T đến nhà ông L và trực tiếp nhận từ ông L 60.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Âu Dương L 10 lần với số tiền 1.281.000.000 đồng và 2.000USD (tương đương 42.916.000 đồng); tổng giá trị tài sản Cao Thị T chiếm đoạt của ông L tính theo trị giá tiền Việt Nam đồng là 1.323.916.000 đồng. Hiện ông Âu Dương L yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Phan Quốc D (sinh năm: 1981; trú tại: xã K, huyện K, H) số tiền 300.000.000 đồng.

Anh Phan Quốc D trước đây được Cao Thị T thuê dùng xe ô tô để chở T đi lại nên từ đó hai người quen biết nhau. Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến ngày 18/6/2015, Cao Thị T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh D, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng tháng 5/2015, anh D bán chiếc xe ô tô Ford Transit được 200.000.000 đồng và đưa trực tiếp toàn bộ số tiền đó cho Cao Thị T.

Lần 2: Khoảng mười ngày sau, cũng trong tháng 5/2015, anh Phan Quốc D giao tiếp cho Cao Thị T số tiền 50.000.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 18/6/2015, Cao Thị T đến nhà anh Phan Quốc D tại xã K, huyện K, H nhận trực tiếp từ anh D số tiền 50.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo anh Phan Quốc D 03 lần, chiếm đoạt 300.000.000 đồng. Hiện Cao Thị T đã trả cho anh Phan Quốc D 25 triệu đồng, còn 275 triệu đồng anh D yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Ngọc H (sinh năm: 1967; trú tại: số 276/88 đường Thống N, phường 16, quận G, thành phố H) số tiền 331.000.000 đồng.

Anh Trần Ngọc H là chồng của chị Lê Anh Đ, trước đây sống chung với chị Đ ở tổ dân phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 2009, thông qua chị Lê Anh Đ, anh H quen biết với Cao Thị T. Quá trình quen biết, Cao Thị T tự giới thiệu mình là người kinh doanh buôn bán, có các mối hàng lớn từ nước

ngoài nhập về qua cảng Hải Phòng và cảng Cam Ranh và rủ anh H đi cùng. Tin tưởng vào lời T nói, nên anh H đã đi theo T trong suốt thời gian từ khoảng năm 2009 đến năm 2015. Trong quá trình đi cùng nhau, Cao Thị T thường giả vờ gọi điện thoại nói chuyện có liên quan đến công việc làm ăn, việc lấy hàng từ các cảng,... Cao Thị T cũng thường xuyên đưa anh H đi đến thành phố Hải Phòng và thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa nói là đến cảng để giải quyết công việc, nhưng thực chất là chỉ để tạo lòng tin chứ không hề có bất kỳ hoạt động kinh doanh, buôn bán nào. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2009 đến ngày 19/12/2014, Cao Thị T đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh H, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng tháng 11 năm 2009, tại khách sạn “Thái Lan”, thành phố H, anh H giao cho T 27.000.000 đồng.

Lần 2: Vào khoảng tháng 3 năm 2010, tại khách sạn “Thái Lan”, thành phố H, anh H giao cho T 20.000.000 đồng.

Lần 3: Vào khoảng tháng 6/2013, tại phường S, thị xã K, anh H giao cho T 70.000.000 đồng.

Lần 4: Vào khoảng tháng 8 năm 2013, tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, anh H giao cho T 20.000.000 đồng.

Lần 5: Vào khoảng 10 năm 2013, tại Quảng Trị, anh H giao cho T 20.000.000 đồng.

Lần 6: Vào ngày 28/10/2013, T gọi điện và anh H chuyển qua tài khoản ngân hàng cho T 24.000.000 đồng.

Lần 7: Vào khoảng tháng 01 năm 2014, tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, anh H giao cho T 110.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 19/12/2014, tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, anh H giao cho T 40.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo anh Trần Ngọc H 08 lần, chiếm đoạt số tiền 331.000.000 đồng. Hiện anh Trần Ngọc H yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Trần Thị X (sinh năm 1949; trú tại: số nhà 24, ngõ 10, đường Nguyễn Huy T, phường B, thành phố H, H) số tiền 1.369.000.000 đồng.

Bà Trần Thị X làm nghề mua bán trầu cau ở chợ thành phố H. Khoảng năm 2009, Cao Thị T thường hay đến chợ thành phố H mua trầu cau của bà X nên hai người quen biết nhau. Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2015, Cao Thị T đã nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị X, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 21/01/2009, Cao Thị T đến nhà bà X và nhận trực tiếp từ bà X 30.000.000 đồng.

Lần 2: Sau đó khoảng 10 ngày, tức là khoảng đầu tháng 2 năm 2009, Cao Thị T đến nhà bà X và nhận trực tiếp từ bà X 30.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Sau đó khoảng 10 ngày, tức là đến gần giữa tháng 2 năm 2009, Cao Thị T đến nhà bà X và nhận trực tiếp từ bà X 60.000.000 đồng.

Với thủ đoạn tương tự, trong năm 2009, T tiếp tục “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bà X thêm nhiều lần nữa, tổng số tiền mà T đã lừa đảo chiếm đoạt của bà X trong năm 2009 là 700.000.000 đồng.

Đến khoảng đầu năm 2015, Cao Thị T đến nhà bà X và nhận trực tiếp từ bà X 600.000.000 đồng và 2,4 cây vàng (tương đương với số tiền 69.000.000 đồng). Tổng số tiền Cao Thị T chiếm đoạt của bà Trần Thị T trong lần này là 669.000.000 đồng.

Như vậy, sau nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo Cao Thị T đã chiếm đoạt của bà Trần Thị X tổng số tài sản tính theo tiền Việt Nam là 1.369.000.000 đồng. Mặc dù bà Trần Thị X đã nhiều lần yêu cầu trả lại tiền nhưng Cao Thị T không trả, hiện bà X yêu cầu T phải trả lại toàn bộ số tiền trên.

6. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Dương Thị A (sinh năm 1971; trú tại: thôn Y, xã T, huyện T, H) số tiền 140.000.000 đồng.

Chị Dương Thị A là người giúp việc bán cau trầu ở chợ thành phố H cho bà Trần Thị X, thông qua bà X nên Cao Thị T quen biết với chị A1. Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 5/2015 Cao Thị T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chị Dương Thị A, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 06/3/2015, tại nhà bà X ở phường B, thành phố H, chị A1 giao cho Cao Thị T 30.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 15/3/2015, chị Dương Thị A bán 02 chỉ vàng được 7.000.000 đồng, cộng với chị A1 có sẵn 8.000.000 đồng nữa là 15.000.000 đồng. Sau đó, Cao Thị T đã trực tiếp gặp chị A1 tại thành phố H và nhận toàn bộ số tiền trên.

Lần 3: Vào khoảng cuối tháng 3/2015, lúc đó chị Dương Thị A đi theo Cao Thị T ra thành phố Hải Phòng, chị A1 nhờ người quen chuyển vào tài khoản của T 25.000.000 đồng.

Lần 4: Vào khoảng đầu tháng 5/2015, chị Dương Thị A đã trực tiếp vào nhà của Cao Thị T ở xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh giao cho T số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo chị Dương Thị A 04 lần, chiếm đoạt số tiền 140.000.000 đồng. Hiện chị Dương Thị A yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

7. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Đặng Thị S (sinh năm 1952; trú tại: thôn Phúc Đ, xã K, huyện K, H) số tiền 497.100.000 đồng.

Bà Đặng Thị S là người ở cùng thôn với Cao Thị T và có mối quan hệ hàng xóm láng giềng, quen biết nhau từ lâu. Với thủ đoạn như trên, trong

khoảng thời gian từ ngày 18/10/2010 đến ngày 21/3/2016, Cao Thị T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Đặng Thị S, cụ thể:

Lần 1: Ngày 18/10/2010, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 20.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 15/3/2011, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 30.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 18/5/2011, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 10.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 02/11/2011, Cao Thị T đến nhà và nói với bà S là cần vay tiền để lấy hàng từ cảng Hải Phòng đem về bán. Bà S đồng ý và giao cho T số tiền 30.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 30/11/2011, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 35.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 09/01/2012, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 40.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 19/02/2012, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 43.600.000 đồng.

Lần 8: Ngày 07/04/2012, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 10.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 02/06/2012, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 12.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 22/12/2012, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 42.000.000 đồng.

Lần 11: Ngày 24/06/2013, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 32.000.000 đồng.

Lần 12: Ngày 22/10/2013, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 20.000.000 đồng.

Lần 13: Ngày 17/11/2013, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 84.000.000 đồng.

Lần 14: Sáng ngày 21/03/2016, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 76.500.000 đồng.

Lần 15: Chiều ngày 21/03/2016, Cao Thị T đến nhà bà S và nhận trực tiếp từ bà S 12.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo bà Đặng Thị S 15 lần, chiếm đoạt số tiền 497.100.000 đồng. Hiện bà Đặng Thị S yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

8. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Hoàng Thị C (sinh năm 1961; trú tại: tổ dân phố H, phường K, thị xã K, H) số tiền 1.205.620.000 đồng.

Cao Thị T quen biết với bà Hoàng Thị C từ năm 2007. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2009 đến ngày 21/7/2010, với thủ đoạn gian dối như trên Cao Thị T đã nhiều lần có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Hoàng Thị C, cụ thể:

Vào khoảng tháng 7 năm 2009, Cao Thị T đến nhà bà C và nhận trực tiếp từ bà C 100.000.000 đồng. Sau đó, Cao Thị T tiếp tục “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bà C nhiều lần nữa. Đến ngày 30/8/2009, bà C với T tính toán lại với nhau thì tổng số tiền bà C đã đưa cho Cao Thị T là 1.064.000.000 đồng, đã trả được 135.000.000 đồng, còn lại 929.000.000 đồng. Đến ngày 21/7/2010, Cao Thị T tiếp tục đến nhà bà C và nhận trực tiếp từ bà C 26.000.000 đồng và 04 chỉ vàng (tương đương với số tiền 15.620.000 đồng).

Tổng số tiền Cao Thị T lừa đảo chiếm đoạt của bà Hoàng Thị C là 1.205.620.000 đồng. Hiện Cao Thị T đã trả cho bà C số tiền 135.000.000 đồng, còn lại 1.070.620.000 đồng bà C yêu cầu Cao Thị T bồi thường.

9. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1954; trú tại: thôn 4, xã C, huyện C, H - tạm trú số nhà 83, đường Phan Đình P, thành phố H) số tiền 2.113.800.000 đồng.

Cao Thị T quen biết bà Nguyễn Thị H1 từ tháng 3/2013 do thường xuyên đến cửa hàng bán quần áo của bà H1 ở địa chỉ: số nhà 83, đường Phan Đình P, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh để mua quần áo. Với thủ đoạn gian dối như trên, Cao Thị T đã nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị H1 số tiền, cụ thể:

Lần 1: Chiều ngày 23/6/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 20.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 24/6/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 10.000.000 đồng.

Lần 3: Sáng ngày 25/6/2013, Cao Thị T gọi điện thoại cho bà H1 và sau đó cho con gái là Nguyễn Thị L1 ra nhận từ bà H1 30.000.000 đồng rồi về giao cho T.

Lần 4: Ngày 28/6/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 19.000.000 đồng. T hứa mỗi ngày T sẽ trả cho bà H1 500.000 đồng tiền lãi.

Lần 5: Tối ngày 29/6/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 30.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 01/7/2013, Cao Thị T gọi điện thoại cho bà H1 và sau đó nhờ ông P(trú tại xã C, huyện B, tỉnh Q) ra nhận từ bà H1 11.000.000 đồng về giao lại cho T.

Lần 7: Ngày 02/7/2013, Cao Thị T gọi điện thoại cho bà H1 và sau đó nhờ ông Pra nhận từ bà H1 6.000.000 đồng rồi về giao cho T.

Lần 8: Ngày 03/7/ 2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 7.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 04/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 20.000.000 đồng. T hứa sẽ trả cho bà H1 một chiếc xe máy SH Ý với giá 60.000.000 đồng.

Lần 10: Sáng ngày 06/7/2013, Cao Thị T gọi điện thoại cho bà H1 và sau đó nhờ một người tên T (người ở huyện K, địa chỉ cụ thể không rõ) ra nhận từ bà H1 2.000.000 đồng rồi về giao cho T.

Lần 11: Đến trưa ngày 06/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 20.000.000 đồng.

Lần 12: Đến chiều ngày 06/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 7.000.000 đồng.

Lần 13: Chiều ngày 08/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 10.000.000 đồng.

Lần 14: Tối ngày 08/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 15.000.000 đồng.

Lần 15: Ngày 09/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 3.000.000 đồng.

Lần 16: Tối ngày 11/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 11.000.000 đồng.

Lần 17: Tối ngày 12/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 25.000.000 đồng.

Lần 18: Trưa ngày 13/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 2.000.000 đồng.

Lần 19: Đến chiều cùng ngày 13/7/2013, Cao Thị T gọi điện thoại cho bà H1 và sau đó nhờ ông Pra nhận từ bà H1 6.000.000 đồng rồi giao cho T.

Lần 20: Sáng ngày 15/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 7.000.000 đồng.

Lần 21: Sáng ngày 23/7/2013, Cao Thị T gọi điện thoại cho bà H1 và sau đó cho con gái là Nguyễn Thị L1 ra nhận từ bà H1 25.000.000 đồng.

Lần 22: Chiều ngày 24/7/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 5.000.000 đồng.

Lần 23: Sáng ngày 29/7/2013, Cao Thị T gọi điện thoại cho bà H1 và sau đó cho con gái là Nguyễn Thị L1 ra nhận từ bà H1 2.000.000 đồng đưa về giao cho T.

Lần 24: Ngày 05/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 8.000.000 đồng.

Lần 25: Ngày 06/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 5.000.000 đồng.

Lần 26: Ngày 07/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 1.000.000 đồng.

Lần 27: Ngày 08/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 12.000.000 đồng.

Lần 28: Ngày 09/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 19.000.000 đồng.

Lần 29: Ngày 13/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 7.000.000 đồng.

Lần 30: Sáng ngày 15/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 100.000.000 đồng.

Lần 31: Chiều ngày 15/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 20.000.000 đồng.

Lần 32: Tối ngày 15/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 15.000.000 đồng.

Lần 33: Ngày 17/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 14.000.000 đồng.

Lần 34: Ngày 18/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 50.000.000 đồng.

Lần 35: Ngày 24/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 31.000.000 đồng.

Lần 36: Ngày 25/8/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 5.000.000 đồng.

Lần 37: Ngày 03/9/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 11.000.000 đồng.

Lần 38: Ngày 08/9/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 1.000.000 đồng.

Lần 39: Ngày 11/9/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 25.000.000 đồng.

Lần 40: Ngày 12/9/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 10.000.000 đồng.

Lần 41: Ngày 13/9/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 63.000.000 đồng.

Lần 42: Chiều ngày 14/9/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 3.000.000 đồng.

Lần 43: Tối ngày 14/9/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 25.000.000 đồng.

Lần 44: Ngày 20/9/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 35.000.000 đồng.

Lần 45: Ngày 22/9/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 7.200.000 đồng.

Lần 46: Ngày 25/9/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 3.600.000 đồng.

Lần 47: Ngày 26/3/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 9.000.000 đồng.

Lần 48: Ngày 01/10/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 20.000.000 đồng.

Lần 49: Ngày 02/10/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 15.000.000 đồng.

Lần 50: Ngày 08/10/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 1.000.000 đồng.

Lần 51: Ngày 10/10/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 60.000.000 đồng.

Lần 52: Ngày 15/10/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 40.000.000 đồng.

Lần 53: Ngày 04/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 11.000.000 đồng.

Lần 54: Ngày 05/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 15.000.000 đồng.

Lần 55: Ngày 12/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 20.000.000 đồng.

Lần 56: Ngày 14/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 13.000.000 đồng.

Lần 57: Sáng ngày 15/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 2.000.000 đồng.

Lần 58: Chiều ngày 15/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 29.000.000 đồng.

Lần 59: Sáng ngày 16/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 15.000.000 đồng.

Lần 60: Chiều ngày 16/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 85.000.000 đồng.

Lần 61: Ngày 20/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 22.000.000 đồng.

Lần 62: Ngày 26/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 14.000.000 đồng.

Lần 63: Ngày 28/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 5.000.000 đồng.

Lần 64: Ngày 29/11/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 10.000.000 đồng.

Lần 65: Ngày 01/12/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 2.000.000 đồng.

Lần 66: Ngày 05/12/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 20.000.000 đồng.

Lần 67: Sáng ngày 08/12/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 9.000.000 đồng.

Lần 68: Chiều ngày 08/12/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 500.000 đồng.

Lần 69: Tối ngày 08/12/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 14.000.000 đồng.

Lần 70: Ngày 28/12/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 5.000.000 đồng.

Lần 71: Ngày 29/12/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 3.000.000 đồng.

Lần 72: Tối ngày 29/12/2013, Cao Thị T đến cửa hàng bà H1 và nhận trực tiếp từ bà H1 75.000.000 đồng.

Lần 73: Vào khoảng tháng 9 năm 2013, Cao Thị T nói với bà H1 rằng T có quen biết với cán bộ lãnh đạo ngành Ngân hàng, nếu bà H1 có con cháu hoặc người quen muốn xin việc trong ngành Ngân hàng thì T sẽ xin cho. Tin lời Cao Thị T nên bà H1 đã nhờ T xin việc cho cháu là chị Nguyễn Trà M vào làm việc tại ngân hàng cổ phần ở H. Sau đó, theo yêu cầu của Cao Thị T bà H1 đã chuyển tiền cho T 03 lần với tổng số tiền là 250.000.000 đồng.

Lần 74: Sau khi lừa xin việc cho chị Nguyễn Trà M, Cao Thị T tiếp tục lừa bà H1 là sẽ xin việc cho người quen của bà H1 là chị Nguyễn Thị T11 vào làm việc ở ngân hàng cổ phần H để bà H1 giao cho T số tiền 200.000.000 đồng .

Lần 75: Sau khi lừa xin việc cho chị Nguyễn Thị T11, Cao Thị T tiếp tục hứa hẹn với bà H1 là sẽ xin việc cho người quen của bà H1 là chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Cẩm T12 vào làm việc ở ngân hàng VPbank H và ngân hàng Techcombank H để bà H1 giao cho T số tiền 150.000.000 đồng.

Lần 76: Sau đó, T tiếp tục lừa bà H1 là sẽ xin việc làm cho người quen của bà H1 tên là Trần Thị T12 vào làm việc ở Ngân hàng Quân đội Chi nhánh H để bà H1 giao cho T số tiền 200.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo bà Nguyễn Thị H1 76 lần, chiếm đoạt số tiền 2.113.800.000 đồng. Hiện bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

10. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Bùi Thị A1 (sinh năm 1971; trú tại: tiểu khu 5, tổ dân phố 1, phường S, thị xã K, H) số tiền 1.450.000.000 đồng.

Cao Thị T quen biết với chị Bùi Thị A1 từ khoảng tháng 5/2009 thông qua bà Phạm Thị T2. Từ năm 2009 đến năm 2015, Cao Thị T đã đưa ra các thông tin gian dối như trên nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Bùi Thị A1, cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 7/2009, Cao Thị T nhận trực tiếp từ chị Bùi Thị A1 số tiền 30.000.000 đồng tại nhà bà T2 ở phường S, thị xã K, H.

Lần 2: Vào khoảng tháng 9/2009, tại nhà chị Lê Anh Đ ở phường S, thị xã K, H, Cao Thị T nhận trực tiếp từ chị A1 40.000.000 đồng.

Lần 3: Vào khoảng tháng 11/2009, Cao Thị T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 20.000.000 đồng.

Lần 4: Vào khoảng tháng 01/2010, Cao Thị T gọi điện thoại và chị A1 nhờ chị Lĩnh (bán thuốc tây ở thị xã K) giao cho T 50.000.000 đồng.

Lần 5: Vào khoảng tháng 7/2010, Cao Thị T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 110.000.000 đồng.

Lần 6: Vào khoảng tháng 9/2010, Cao Thị T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 150.000.000 đồng.

Lần 7: Vào khoảng tháng 10/2010, Cao Thị T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 75.000.000 đồng.

Lần 8: Vào khoảng tháng 11 năm 2010, Cao Thị T gọi điện và chị A1 chuyển qua số tài khoản của anh Trần Ngọc H cho T 20.000.000 đồng. Số tiền này sau đó anh H đã chuyển lại cho T.

Lần 9: Vào khoảng tháng 4/2011, Cao Thị T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 190.000.000 đồng. Sau đó, tại Hà Nội, chị A1 tiếp tục giao cho T 60.000.000 đồng.

Lần 10: Vào khoảng tháng 11/2011, Cao Thị T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 170.000.000 đồng.

Lần 11: Vào khoảng tháng 02/2012, Cao Thị T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 150.000.000 đồng.

Lần 12: Vào khoảng tháng 5/2012, Cao Thị T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 130.000.000 đồng.

Lần 13: Vào khoảng tháng 8/2012, Cao Thị T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 70.000.000 đồng.

Lần 14: Vào khoảng tháng 3/2014, Cao Thị T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 270.000.000 đồng.

Lần 15: Vào khoảng tháng 7/2015, T đến nhà chị A1 và nhận trực tiếp từ chị A1 15.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo chị Bùi Thị A1 15 lần, chiếm đoạt số tiền 1.450.000.000 đồng. Hiện chị A1 yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

11. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của Chị Bùi Thị T1 (sinh năm 1975; trú tại: thôn H, xã K, huyện K, H) số tiền 302.000.000 đồng.

Chị Bùi Thị T1 là em ruột của chị Bùi Thị A1, thông qua chị A1 nên Cao Thị T quen biết với chị T1. Trong khoảng thời gian từ ngày 04/12/2010 đến ngày 17/4/2011 Cao Thị T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Chị Bùi Thị T1, cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/12/2010, Cao Thị T đi cùng chị Bùi Thị A1 đến nhà Chị Bùi Thị T1 và nhận trực tiếp từ chị T1 30.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 07/4/2011, Cao Thị T cùng chị Bùi Thị A1 và bà Nguyễn Thị M1 đến nhà chị T1. Tại đây, chị T1 giao cho T số tiền 250.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 17/4/2011, Cao Thị T đến nhà chị T1 và nhận từ chị T1 số tiền 30.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T giao lại cho chị T1 02 chỉ vàng (tương đương 8.000.000 đồng). Nên hai bên Thống N coi như T nhận từ chị T1 22.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo Chị Bùi Thị T1 03 lần, chiếm đoạt số tiền 302.000.000 đồng. Hiện Chị Bùi Thị T1 yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

12. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Phạm Thị B (sinh năm 1983; trú tại: tổ dân phố 2, phường S, thị xã K, H) số tiền 100.000.000 đồng.

Chị Phạm Thị B là em dâu của chị Bùi Thị A1, vào đầu năm 2011 thông qua chị A1, nên Cao Thị T quen biết với chị Hà. Với thủ đoạn như trên, tháng 6/2011 Cao Thị T đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Phạm Thị B số tiền 100.000.000 đồng. Hiện chị Hà yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường toàn bộ số tiền mà T đã chiếm đoạt.

13. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Phạm Thị M (sinh năm 1962; trú tại: tiểu khu 6, tổ dân phố H, phường S, thị xã K, H) 126.000.000 đồng.

Cao Thị T quen biết với bà Phạm Thị M từ khoảng năm 2007. Với thủ đoạn đưa ra các thông tin gian dối như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 02/12/2008 đến ngày 14/3/2009 Cao Thị T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị M, cụ thể:

Lần 1: Ngày 02/12/2008, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 31.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 03/3/2009, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 70.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 13/3/2009, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 10.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 14/3/2009, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 15.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo bà Phạm Thị M 04 lần, chiếm đoạt số tiền 126.000.000 đồng. Hiện bà Phạm Thị M yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

14. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Phạm Thị T2 (sinh năm 1950; trú tại: khối phố H, phường S, thị xã K, H) số tiền 931.187.700 đồng.

Cao Thị T quen biết với bà Phạm Thị T2 thông qua bà Nguyễn Thị M1. Với thủ đoạn như trên, Cao Thị T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị T2, cụ thể:

Lần 1: Chiều ngày 17/9/2008, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 30.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 23/9/2008, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 10.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 25/9/2008, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 10.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 10/10/2008, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 18.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 11/11/2008, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 10.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 19/11/2008, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 10.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 10/01/2009, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 30.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 07/4/2009, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 35.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 12/6/2009, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 60.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 21/6/2009, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 10.000.000 đồng.

Lần 11: Ngày 17/8/2009, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 30.000.000 đồng.

Lần 12: Ngày 28/9/2009, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 750 USD (tương đương 12.745.500 đồng) và 01 chỉ vàng, (tương đương 2.912.000 đồng). Tổng tài sản Cao Thị T nhận của bà T2 trong lần này là 15.657.500 đồng.

Lần 13: Ngày 28/11/2009, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 01 chỉ vàng (tương đương với với 2.927.000 đồng).

Lần 14: Ngày 15/10/2010, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 15.000.000 đồng..

Lần 15: Ngày 18/10/2010, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 600 USD (tương đương với 11.359.200 đồng).

Lần 16: Ngày 06/11/2010, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 02 chỉ vàng (tương đương với 6.244.000 đồng).

Lần 17: Ngày 28/11/2010, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 15.000.000 đồng.

Lần 18: Ngày 01/12/2010, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 15.000.000 đồng.

Lần 19: Ngày 03/12/2010, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 15.000.000 đồng.

Lần 20: Ngày 04/4/2011, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 12.000.000 đồng.

Lần 21: Ngày 19/9/2011, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 50.000.000 đồng.

Lần 22: Ngày 14/12/2011, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 30.000.000 đồng.

Lần 23: Ngày 23/12/2011, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 100.000.000 đồng.

Lần 24: Ngày 26/12/2011, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 100.000.000 đồng.

Lần 25: Ngày 19/01/2012, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 140.000.000 đồng.

Lần 26: Ngày 21/01/2012, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 50.000.000 đồng.

Lần 27: Vào tháng 3/2016, Cao Thị T đến nhà bà T2 và nhận trực tiếp từ bà T2 100.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo bà Phạm Thị T2 27 lần, chiếm đoạt số tiền 931.187.700 đồng. Hiện bà Phạm Thị T2 yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

15. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1950; trú tại: xóm T, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) số tiền 50.000.000 đồng.

Cao Thị T quen biết với bà Nguyễn Thị X thông qua bà Nguyễn Thị H1. Với thủ đoạn gian dối như trên, Cao Thị T đã nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị X, cụ thể:

Lần 1: Ngày 05/8/2013, tại nhà bà Nguyễn Thị H1, bà X giao cho Cao Thị T 20.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 13/8/2013, cũng tại nhà bà Nguyễn Thị H1, bà X giao cho Cao Thị T 30.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo bà Nguyễn Thị X 02 lần, chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng. Hiện Nguyễn Thị X yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

16. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Lê Thị M2(sinh năm 1949; trú tại: số nhà 23, ngõ 1, đường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) số tiền 200.000.000 đồng.

Cao Thị T quen biết bà Lê Thị M2 thông qua con gái của bà M2, nên thường hay đến nhà bà M2 chơi. Biết bà M2 có tiền nên Cao Thị T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vào ngày 12/12/2011, Cao Thị T đến nhà bà M2 chơi và nói dối bà M2 là có một lô hàng nhập từ nước ngoài về Việt Nam để lừa đảo chiếm đoạt của bà Lê Thị M2 số tiền 200.000.000 đồng. Hiện bà M2 yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường toàn bộ số tiền mà T đã chiếm đoạt.

17. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1954; trú tại: xóm B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) số tiền 500.000.000 đồng.

Thông qua bà Trần Thị X, trú tại phường B, thành phố H bà Nguyễn Thị T3 (bán cau trầu ở chợ thành phố H) quen biết với Cao Thị T. Khoảng năm 2010, Cao Thị T đến gặp bà T3 và nói dối bà T3 rằng T có một lô hàng từ nước ngoài về để lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T3 số tiền 500.000.000 đồng. Mặc dù bà Nguyễn Thị T3 đã nhiều lần yêu cầu trả lại tiền nhưng Cao Thị T không trả lại tài sản đã chiếm đoạt. Hiện nay, bà Nguyễn Thị T3 yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường cho bà T3 toàn bộ số tiền trên.

18. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T4 (sinh năm 1961; trú tại: xóm B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) số tiền 666.000.000 đồng.

Thông qua bà Trần Thị X, bà Nguyễn Thị T4 (bán cau trầu ở chợ thành phố H) quen biết với Cao Thị T. Cũng với thủ đoạn gian dối như trên, Cao Thị T đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của bà T4 số tiền 630.000.000 đồng và 01 cây vàng (tương đương 36.000.000 đồng), tổng số tiền T chiếm đoạt của bà T4 là 666.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng năm 2010, Cao Thị T đến quây bán hàng của bà và nhận từ bà T4 630.000.000 đồng.

Lần 2: Sau lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản lần thứ nhất của bà T4 ít ngày, Cao Thị T lại đến chỗ bà T4 bán trầu cau và nhận từ bà T4 01 cây vàng (tương đương với 36.000.000 đồng).

Tổng cộng Cao Thị T đã lừa đảo bà Nguyễn Thị T4 02 lần, chiếm đoạt số tiền 666.000.000 đồng. Hiện bà Nguyễn Thị T4 yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

19. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Trương Quang T5 (sinh năm 1975; trú tại: xóm T, xã K, huyện K, H) số tiền 380.000.000 đồng.

Anh Trương Quang T5 có mối quan hệ hàng xóm, láng giềng với Cao Thị T. Anh T5 có xe ô tô nên một số lần T thuê xe và nhờ Anh T5 chở đi vào thành phố Nha Trang, đi ra thành phố Hải Phòng nói là đi làm ăn, buôn bán. Vào khoảng năm 2010, Cao Thị T đến nhà Anh T5 và nói dối Anh T5 là T đang có một lô hàng ở cảng Hải Phòng để lừa đảo chiếm đoạt của anh Trương Quang T5 số tiền 380.000.000 đồng. Hiện nay, anh Trương Quang T5 yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường toàn bộ số tiền trên.

20. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T5 (sinh năm 1960; trú tại: xóm T, xã K, huyện K, H) số tiền 1.200.000.000 đồng.

Cao Thị T có mối quan hệ hàng xóm, láng giềng với bà Nguyễn Thị T5. cũng với thủ đoạn gian dối như trên, trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2016 Cao Thị T đã 10 lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của bà Tuyết tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng. Hiện nay, bà Nguyễn Thị T5 yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường toàn bộ số tiền mà T đã chiếm đoạt.

21. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị M1 (sinh năm 1954; trú tại: khối phố 3, phường S, thị xã K, H) số tiền 2.345.000.000 đồng.

Khoảng từ năm 2007, thông qua chị Trần Thị B2, trú tại tổ dân phố Châu Phố, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, nên Cao Thị T quen biết với bà Nguyễn Thị M1. Từ khoảng năm 2009 đến năm 2015, Cao Thị T đã nhiều lần đưa bà M đi nhiều nơi, đến cảng Hải Phòng và cảng Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa nói là để giải quyết công việc, nhưng thực chất là chỉ để tạo lòng tin chứ không hề có bất kỳ hoạt động kinh doanh, buôn bán nào. Ngoài ra, trong quá trình đi cùng nhau khi có mặt bà M, Cao Thị T thường giả vờ gọi điện thoại nói chuyện có liên quan đến công việc làm ăn, việc lấy hàng từ các cảng,... nhằm tạo lòng tin với bà M. Từ đó, Cao Thị T đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà M, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng đầu tháng 10/2007, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 10.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 20/10/2007, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 90.000.000 đồng.

Lần 3: Vào tháng 01/2008, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 190.000.000 đồng.

Lần 4: Vào tháng 02/2008, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 350.000.000 đồng.

Lần 5: Vào tháng 7/2008, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 250.000.000 đồng.

Lần 6: Vào tháng 9/2008, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 150.000.000 đồng.

Lần 7: Vào một ngày không nhớ cụ thể (sau lần thứ sáu một thời gian) Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 120.000.000 đồng.

Lần 8: Vào tháng 02/2009, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 250.000.000 đồng .

Lần 9: Vào tháng 7/2009, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 270.000.000 đồng.

Lần 10: Vào tháng 4/2010, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 95.000.000 đồng.

Lần 11: Vào tháng 10/2011, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 235.000.000 đồng.

Lần 12: Vào tháng 10/2016, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 35.000.000 đồng.

Lần 13: Vào tháng 3/2017, Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 100.000.000 đồng.

Lần 14: Cao Thị T đến nhà bà M và nhận trực tiếp từ bà M 200.000.000 đồng.

Tổng cộng Cao Thị T đã 14 lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của bà M tổng số tiền 2.345.000.000 đồng. Hiện nay, bà M yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường toàn bộ số tiền mà T đã chiếm đoạt.

22. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Dương Công Đ1 (sinh năm 1946; trú tại xóm H, xã T, thành phố H) số tiền 70.414.000 đồng.

Năm 2011, Cao Thị T quen biết với ông Dương Công Đ1 trong một lần đi chơi cùng bà Nguyễn Thị M1 và anh Trần Ngọc H. Với thủ đoạn gian dối như trên, trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2012 Cao Thị T đã 06 lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của ông Dương Công Đ1 tổng số tiền 70.414.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 30/9/2011, Cao Thị T nhận trực tiếp từ ông Dương Công Đ1 số tiền 12.000.000 đồng tại nhà ông Đ1.

Lần 2: Ngày 15/10/2011, Cao Thị T đến nhà ông Đ1 nhận trực tiếp từ ông Đ1 số tiền 10.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 02/11/2011, Cao Thị T đến nhà ông Đ1 nhận số tiền 10.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 01/4/2012, Cao Thị T nhận trực tiếp từ ông Dương Công Đ1 số tiền 18.000.000 đồng tại nhà ông Đ1.

Lần 5: Vào lúc 17 giờ chiều ngày 01/4/2012, tại nhà ông Dương Công Đ1, Cao Thị T tiếp tục nhận từ ông Đ1 500 USD (tương đương 10.414.000 đồng).

Lần 6: Ngày 06/9/2012, Cao Thị T tiếp tục nhận từ ông Dương Công Đ1 số tiền 10.000.000 đồng tại nhà ông Đ1.

Tổng cộng, Cao Thị T đã có hành vi lừa đảo ông Dương Công Đ1 06 lần, chiếm đoạt tổng số tiền tương đương 70.414.000 đồng. Hiện Cao Thị T đã trả cho ông Đ1 số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại là 40.414.000 đồng ông Dương Công Đ1 tiếp tục yêu cầu Cao Thị T phải bồi thường.

Như vậy, với thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin mình là người kinh doanh, buôn bán giàu có, có các mối hàng lớn nhập từ nước ngoài về nhằm tạo lòng tin cho mọi người, rồi đưa ra chiêu bài cần tiền để làm thủ tục lấy hàng về để vay tiền của những người bị hại. Đồng thời, có các mối quan hệ với những người có chức quyền có thể xin được việc làm, nếu ai có nhu cầu xin việc thì

đưa tiền cho T. Bằng các thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2017, Cao Thị T đã rất nhiều lần thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của 22 người bị hại với tổng số tiền 17.383.037.700 đồng. Cao Thị T đã trả lại cho 04 người số tiền 686.450.000 đồng, còn lại 16.696.587.700 đồng T sử dụng để trả nợ các khoản đã vay trước đó và chi tiêu hết. Hiện nay, Cao Thị T hoàn toàn mất khả năng T toán đối với số tài sản đã chiếm đoạt của những người bị hại.

Vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ 197 hóa đơn, giấy tờ liên quan đến việc chuyển, trả tiền của Cao Thị T và các giấy tờ thể hiện việc Cao Thị T nhận tiền từ người bị hại trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số: 26/Ctr-KSĐT ngày 04 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố Cao Thị T về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; các điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 ; điểm b tiết 1 và tiết 3, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, xử phạt Cao Thị T 20 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường đầy đủ cho 22 người bị hại.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, hoàn cảnh gia đình, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng và hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cho rằng vì thời gian đã lâu và thực hiện quá nhiều lần nên không nhớ rõ chi tiết từng lần thực hiện tội phạm nhưng đều

thừa nhận tất cả các hành vi, cách thức thực hiện tội phạm của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai khác tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, các lời khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2017, bằng các thủ đoạn gian dối như tự cho mình là doanh nhân, ăn mặc sang trọng rồi đưa ra thông tin gian dối như có các mối hàng là xe ô tô, xe máy, máy xúc, vàng trắng,... từ nước ngoài nhập về qua các cảng biển như cảng Hải Phòng, cảng Cam Ranh, cần tiền để làm thủ tục giấy tờ đưa hàng hóa về bán. Cao Thị T đã rất nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 22 người trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với tổng số tiền chiếm đoạt là 17.383.037.700 đồng, gồm: Chị Lê Anh Đ 1.782.000.000 đồng; ông Âu Dương L 1.323.916.000 đồng; anh Phan Quốc D 300.000.000 đồng; anh Trần Ngọc H 331.000.000 đồng; bà Trần Thị X 1.369.000.000 đồng; chị Dương Thị A 140.000.000 đồng; bà Đặng Thị S 497.100.000 đồng; bà Hoàng Thị C 1.205.620.000 đồng; bà Nguyễn Thị H1 2.113.800.000 đồng; chị Bùi Thị A1 1.450.000.000 đồng; Chị Bùi Thị T1 302.000.000 đồng; chị Phạm Thị B 100.000.000 đồng; bà Phạm Thị M 126.000.000 đồng; bà Phạm Thị T2 931.187.700 đồng; bà Nguyễn Thị X 50.000.000 đồng; bà Lê Thị M2200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T3 500.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T4 666.000.000 đồng; anh Trương Quang T5 380.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T5 1.200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị M1 2.345.000.000 đồng; ông Dương Công Đ1 70.414.000 đồng. Hiện Cao Thị T đã trả được cho 04 người với số tiền 686.450.000 đồng, còn lại 16.696.587.700 đồng T sử dụng để trả nợ các khoản đã vay trước đó và chi tiêu hết.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Cao Thị T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người đúng tội, không oan sai. Bản cáo trạng số 26/Ctr-KSĐT ngày 04 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố Cao Thị T về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn chính xác. Tại phiên tòa lời luận tội của Viện kiểm sát đã đánh giá đầy đủ tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, các lập luận đối với đề nghị của vị Luật sư. Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát về cơ bản là có căn cứ.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi lừa đảo của bị cáo có sự chuẩn bị từ trước, thủ đoạn tinh vi làm cho những người bị hại không thể phát hiện và biết được nhằm chiếm đoạt tài sản, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo đã có 04 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi ra tù, lại không chịu làm ăn mà tiếp tục thực hiện rất nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân. Vì vậy, bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” “*Phạm tội nhiều lần*” và “*Tái phạm nguy hiểm*”, được quy định tại điểm b, tiết 1 và tiết 3 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị 04 người bị hại làm đơn tố cáo thì bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và sau đó đã tự nguyện khai báo toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại khác khi chưa có đơn tố cáo và chưa bị phát hiện. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tự thú*”, “*Thành khẩn khai báo*” và “*Người phạm tội đầu thú*” theo quy định tại các điểm o, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

[6] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của vụ án đã ảnh hưởng xấu tới xã hội, vì vậy để đảm bảo phòng ngừa tội phạm cần phải xử lý đủ nghiêm đối với các hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội không thời hạn để bị cáo tự rèn luyện chính mình, sống trở thành con người có ích cho xã hội. Bị cáo hiện đang bị tạm giam, để đảm bảo cho công tác thi hành án cần tiếp tục tạm giam bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo còn khai nhận đã nhiều lần thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của 07 người bị hại khác với tổng số tiền là 6.020.000.000 đồng, gồm: Anh Lê Tuấn A ở xã H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh số tiền: 480.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn L ở phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền: 1.000.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị N ở xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền: 700.000.000 đồng; Chị Cao Thị S ở thành phố N, tỉnh Khánh Hòa số tiền: 640.000.000 đồng; Chị Trần Thị L ở thành phố N, tỉnh Khánh Hòa số tiền: 1.100.000.000 đồng; Anh Hoàng Tuấn V ở thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị số tiền: 700.000.000 đồng; Ông P ở xã C, huyện B, tỉnh Q số tiền: 1.500.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, anh Lê Tuấn A và ông Nguyễn Văn L không thừa nhận việc đã bị bị cáo lừa đảo. Còn chị Nguyễn Thị N trình bày là việc bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra đối với chồng chị N là anh Nguyễn Đình T chứ không phải chị N, hiện nay anh T đã đi xuất khẩu lao động nước ngoài nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để làm rõ.

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị L và chị Cao Thị S (ở tỉnh Khánh Hòa), anh Hoàng Tuấn V (ở tỉnh Quảng Trị), ông P (ở tỉnh Q). Cơ quan điều tra đã có văn bản và chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan cho Cơ quan điều tra các địa phương trên điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Liên quan trong vụ án còn có: Bà Nguyễn Thị M1, anh Trần Ngọc H cùng tham gia đi cùng với bị cáo trong quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và một số lần nhận tiền, chuyển tiền giúp bị cáo; chị Nguyễn Thị L1 (con gái bị

cáo) có một số lần nhận tiền từ những người bị hại về giao cho bị cáo, Nguyễn Thị M1 có những lần còn ký vào giấy vay tiền của bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã chứng minh là những người này không hề biết việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; bản thân bà M và anh H cũng chính là người bị hại đã bị bị cáo lừa đảo. Nên hành vi của bà Nguyễn Thị M1, anh Trần Ngọc H và chị Nguyễn Thị L1 không cấu thành tội phạm.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định Cao Thị T có vay của anh Trần Quốc O ở xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 512.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa làm rõ được thời gian, địa điểm và nội dung, diễn biến việc vay mượn, nên không có cơ sở chứng minh Cao Thị T có hành vi lừa đảo đối với anh Trần Quốc O hay chỉ là quan hệ vay mượn dân sự. Cơ quan điều tra đã tách nội dung này để điều tra, xử lý sau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Cần áp dụng các quy định của pháp luật xử buộc bị cáo phải bồi thường đầy đủ cho các bị hại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại phiên tòa hôm nay, một số người bị hại có trình bày là bị cáo có dấu hiệu tẩu tán tài sản. Cụ thể: Nghe bị cáo nói bị cáo đã mua bảo hiểm nhân thọ, cho con, gửi tiết kiệm, mua vàng cất....và bị cáo còn cho các bị hại nhìn thấy một số giấy tờ liên quan đến việc này. Tuy nhiên, các bị hại cũng chỉ nghe bị cáo nói, các bị hại cũng không ai đưa ra được căn cứ cụ thể gì để chứng minh. Theo bị cáo khai nhận tại phiên tòa thì đây cũng chỉ là một trong những thủ đoạn lừa đảo của bị cáo nhằm làm cho các bị hại tiếp tục tin là bị cáo rất giàu có để tiếp tục giao tiền cho bị cáo. Ông Nguyễn Văn V1 là điều tra viên trực tiếp điều tra vụ án trình bày cho Hội đồng xét xử biết: Trong quá trình điều tra vụ án cũng đã xem xét xác minh rất kỹ về vấn đề này, quá trình điều tra vụ đã khám xét nhà của bị cáo nhưng không hề có tài sản, tài liệu gì để chứng minh là bị cáo đã có hành vi tẩu tán tài sản sau khi lừa đảo. Hội đồng xét xử xét thấy về vấn đề này trong quá trình điều tra cũng đã xác minh điều tra rất kỹ nhưng không có căn cứ gì để chứng minh về việc các bị hại khai như vậy. Tại phiên tòa hôm nay cũng không có bất cứ căn cứ gì để chứng minh mà chỉ là lời trình bày, suy đoán của các bị hại.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, kết luận. Nếu sau này có căn cứ để chứng minh thì sẽ xem xét, yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xác minh xử lý để thi hành phần dân sự trong bản án.

[8] Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Cao Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2] Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139, điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm b, tiết 1 và tiết 3 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Cao Thị T tù Chung thân, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/4/2018.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Xử buộc: Bị cáo Cao Thị T phải bồi thường cho những người sau:

Chị Lê Anh Đ 1.285.550.000 đồng; ông Âu Dương L 1.323.916.000 đồng; anh Phan Quốc D 275.000.000 đồng; anh Trần Ngọc H 331.000.000 đồng; bà Trần Thị X 1.369.000.000 đồng; chị Dương Thị A 140.000.000 đồng; bà Đặng Thị S 497.100.000 đồng; bà Hoàng Thị C 1.070.620.000 đồng; bà Nguyễn Thị H1 2.113.800.000 đồng; chị Bùi Thị A1 1.450.000.000 đồng; Chị Bùi Thị T1 302.000.000 đồng; chị Phạm Thị B 100.000.000 đồng; bà Phạm Thị M 126.000.000 đồng; bà Phạm Thị T2 931.187.700 đồng; bà Nguyễn Thị X 50.000.000 đồng; bà Lê Thị M2200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T3 500.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T4 666.000.000 đồng; anh Trương Quang T5 380.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T5 1.200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị M1 2.345.000.000 đồng; ông Dương Công Đ1 40.414.000 đồng.

Tổng số tiền Cao Thị T phải bồi thường là: 16.696.587.700đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo Cao Thị T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 124.696.500đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự.

[5] Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, những người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9

luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- CA, VKS, Cục THA Dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27; PC 45- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo; luật sư bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA, lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông